



Phồn vinh cùng đất nước

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2014
annual report**

I. Thông tin chung	4
II. Tình hình hoạt động trong năm	11
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	21
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	25
V. Quản trị công ty.....	28
VI. Báo cáo tài chính.....	33



VIET-HAN CORPORATION

**THÔNG TIN CHUNG VỀ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT VIỆT HÀN**



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt – Hàn
Tên tiếng Anh:	VIET-HAN CORPORATION
Tên viết tắt:	VIET-HAN CORP
Trụ sở chính:	Lô 4, Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Quảng Nam
Điện thoại:	84.510.3946 345
Fax:	84.510.3946 333
Website:	www.vhg.com.vn

Logo Công ty:



Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 4000386181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/07/2003; đăng ký thay đổi lần 13 ngày 24/03/2014
Vốn điều lệ đăng ký:	375.000.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp:	375.000.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ đồng)
Mã cổ phiếu:	VHG

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 2003:** Ngày 14/07/2003 Công ty cổ phần Đầu tư & Sản xuất Việt-Hàn (VHG) được thành lập.
- **Năm 2004:** Sản phẩm cáp đồng với thương hiệu VIET-HAN CABLE
- **Năm 2005:** Tháng 09/2005, xuất lô hàng cáp viễn thông đầu tiên
- **Năm 2006:** Sản xuất cáp viễn thông có dung lượng 2.400 đôi, trở thành nhà sản xuất cáp có dung lượng lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2007:**
 - + Nhà máy cáp viễn thông đạt công suất 3.000.000 km đôi/năm

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- + Khánh thành giai đoạn 1 nhà máy dây và cáp điện (VPC)
- + Khánh thành nhà máy cáp quang (OFC)
- + Mua lại CTCP nhựa Việt-Hàn, đầu tư NM sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh.
- + Indochina Capital thành nhà đầu tư chiến lược và Vinacapital là cổ đông lớn của VHG
- + PhonVinh Corp và Handic hợp tác toàn diện với VHG
- + VNR-Top 500 Company xếp VHG năm trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2008**
 - + Tháng 01/2008: 28/01, cổ phiếu VHG thức giao dịch trên sàn HOSE
 - + Tháng 03/2008: Khánh thành nhà máy sản xuất sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh FRP
 - + Tháng 04/2008: Đầu tư nhà máy công nghệ vật liệu tại Quảng Nam (VMC)
 - + Tháng 05/2008: Hoàn tất dự án đầu tư giai đoạn 2 cho Nhà máy VPC và VPF
 - + Tháng 11/2008: Triển khai dự án trồng 4.115 ha cao su tại Quảng Nam
 - + Tháng 12/2008: Sở hữu đất dự án cao ốc tại 09 Lê Duẩn, 02 Yên Bái, Tp.Đà Nẵng
 - + VNR-Top 500 Company tiếp tục xếp VHG trong Top 500 DNTN lớn nhất Việt Nam
- **Năm 2009**
 - + Tháng 05/2009: Khánh thành nhà máy sản xuất vật liệu (VMC) công suất 80 triệu SP/năm
 - + Tháng 10/2009: UBND Tp Đà Nẵng quyết định phê duyệt QH 1:500 cho dự án D'evelyn tower.
 - + Tháng 11/2009: Sản xuất thành công sản phẩm FRP có đường kính trên 4m, dung tích 150m³
- **Năm 2010**
 - + Tháng 02/2010: Thay đổi chiến lược phát triển của VHG một cách cơ bản, theo đó thống nhất xây dựng VHG phát triển xoay quanh trục ngành nghề với thứ tự ưu tiên là Bất động sản, hạ tầng công nghiệp dịch vụ - Trồng và chế biến cao su - Sản xuất vật liệu XD cơ bản - Đầu tư khai thác chế biến kim loại màu..
 - + Tháng 06/2010: Nghiên cứu mở rộng thêm 9.000 ha trồng cây cao su tại tỉnh Quảng Nam

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- + Tháng 09/2010: Triển khai các hạng mục thí nghiệm để hoàn chỉnh TKKTTC và chuẩn bị cho việc khởi công cao ốc D'everlyn tại 09 Lê Duẩn Tp Đà Nẵng
- + Tháng 11/2010: chia tách nhà máy nhựa và sản xuất các sản phẩm từ cốt sợi thủy tinh (VPF) thành hai nhà máy (1) Nhà máy vật liệu Composit VCC (2) Nhà máy ống nhựa VPP; nhằm tập trung cho sự phát triển chiều sâu của 2 dòng sản phẩm này.
- + Tháng 12/2010: Đầu tư vào dự án bất động sản nghỉ dưỡng khu vực biển Non nước (Đà Nẵng - Quảng Nam) với quy mô 5,3 ha

- **Năm 2011**

- + Tháng 1/2011: Hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng nhà máy composite.
- + Tháng 07/2011: VHG được cấp phép đầu tư mở rộng dự án trồng và chế biến cao su tại Đông Giang tỉnh Quảng Nam từ 4.115 ha lên 13.300 ha.
- + Tháng 08/2011: Công ty Quê Việt Quảng Nam – Công ty con của VHG được cấp phép đầu tư khu nghỉ dưỡng biển cao cấp tại khu vực Non Nước – Hội An trên diện tích 5,3 ha.

- **Năm 2012:** Tháng 06/2012: Thành viên Hiệp hội cao su Việt Nam

- **Năm 2013:** Thực hiện tái cơ cấu toàn bộ hoạt động của Công ty, tăng vốn điều lệ lên 375 tỷ đồng

2.2. **Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác quặng đồng;
- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;

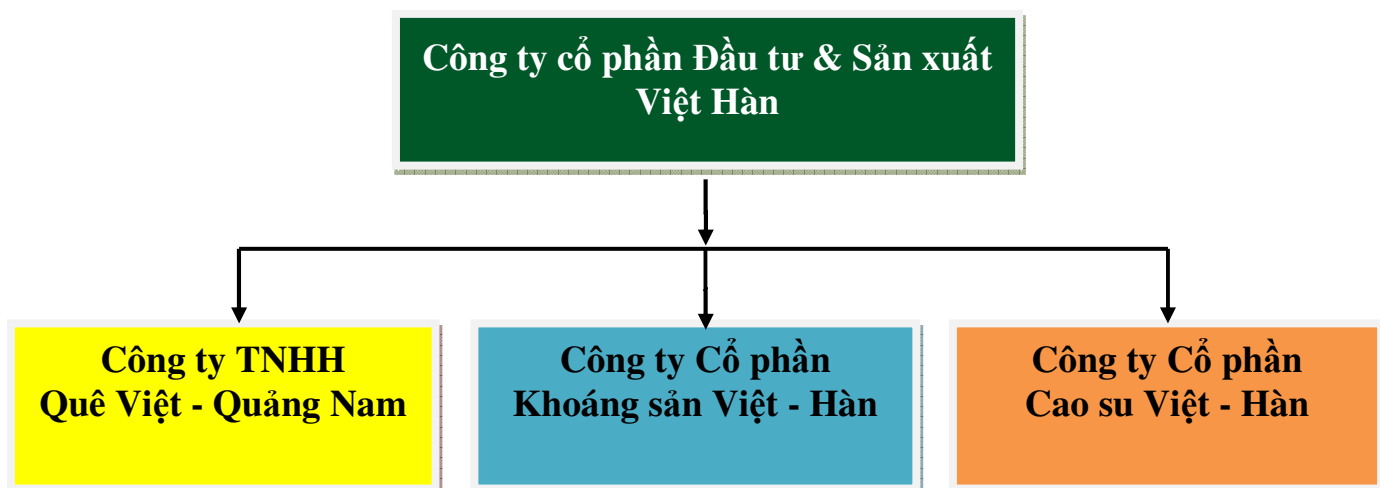
THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bia;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn giấy các loại;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cấm).

Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

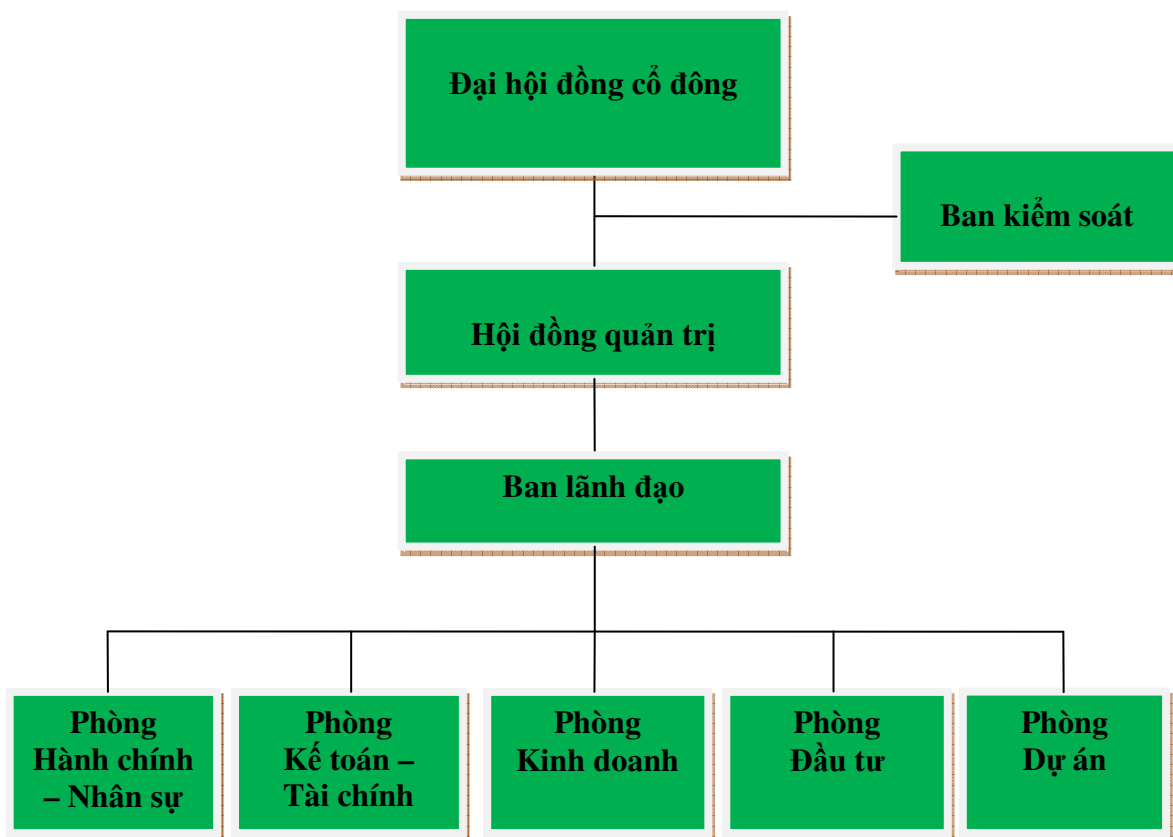
3.1. Mô hình hoạt động, tổ chức của Công ty



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Việt – Hàn đang áp dụng theo mô hình tổ chức của công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



3.3. Các công ty con

▪ Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam

- Địa chỉ: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ (Một trăm tỷ đồng)
- Tỷ lệ nắm giữ của Việt - Hàn: 55%

▪ Công ty cổ phần Khoáng sản Việt - Hàn

- Địa chỉ: Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 VNĐ (Tám mươi tỷ đồng)
- Tỷ lệ nắm giữ của Việt - Hàn: 75%

▪ **Công ty cổ phần Cao su Việt - Hàn**

- Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 (Tám mươi tỷ đồng)
- Tỷ lệ nắm giữ của Việt - Hàn: 95%

4. **Định hướng phát triển**

- Tập trung vào phát triển dự án cao su, lấy lĩnh vực cao su làm lĩnh vực kinh doanh chính.
- Hợp tác với các đối tác để đầu tư phát triển hạ tầng.
- Tiếp tục duy trì và cải tiến cơ chế hoạt động và quản lý theo hướng chuyên nghiệp gọn nhẹ và hiệu quả.

5. **Các rủi ro**

Rủi ro về kinh tế

Các chỉ tiêu về tăng trưởng GDP, biến động lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... mang tính chất hệ thống tác động mạnh đến mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế. Đặc biệt do sản phẩm chính của VHG đa phần phục vụ cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng, các dự án lớn của doanh nghiệp và chính phủ, do vậy khi kinh tế vĩ mô biến động tiêu cực sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty. Việc liên tục tăng chi phí đầu vào (điện nước, xăng dầu...), lãi suất ngân hàng ở mức cao trong các năm qua đã ảnh hưởng năng lực cạnh tranh của Công ty.

Bên cạnh đó, các dự án trung và dài hạn của VHG: bắt động sản nghỉ dưỡng ven biển, trồng cây cao su bị tác động rõ rệt nhất về thị trường khi nền kinh tế trong và ngoài nước thay đổi.

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức 6%. Đó là dấu hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng. Cùng với đà phục hồi của nền kinh tế, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Việt - Hàn đã thực hiện tái cơ cấu mạnh mẽ các lĩnh vực cũ đang có nguy cơ thoái trào.

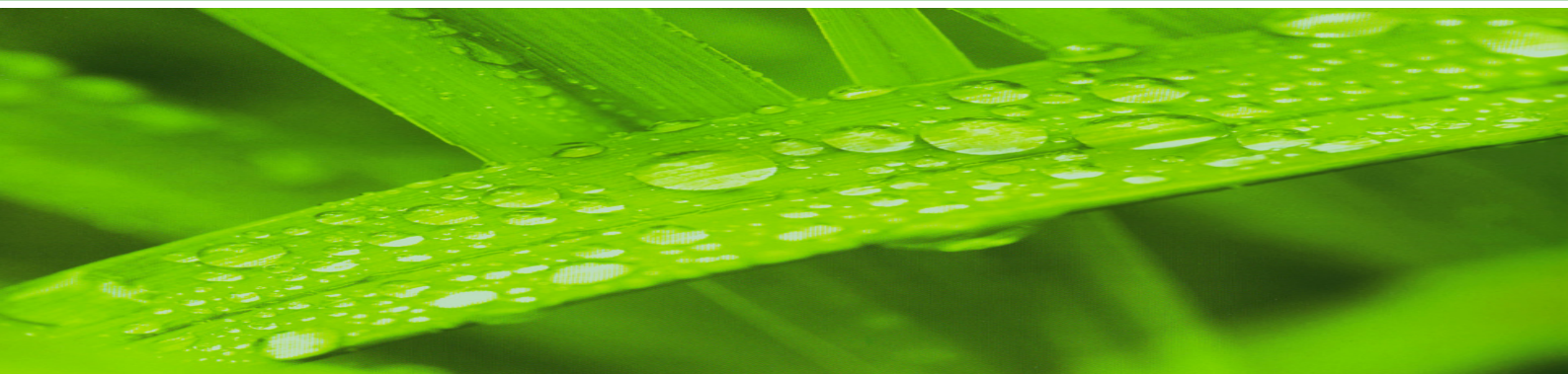
Rủi ro về chính sách và luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động đa ngành, VHG đã thực hiện niêm yết trên sở GDCK TP. Hồ Chí Minh nên Công ty phải công bố minh bạch các thông tin tới các cổ đông và nhà đầu tư... Tuy nhiên, với chính sách vĩ mô chưa nhất quán, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật và thông lệ quốc tế nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến định hướng chiến lược phát triển của các doanh nghiệp.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty đã cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực, VHG đã xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật là biện pháp Công ty đã lựa chọn và theo đuổi



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT VIỆT HÀN





II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013 cũng là năm Công ty đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc toàn diện với chiến lược phát triển theo định hướng mới. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh dần được cải thiện và thay đổi một cách rõ rệt. Kết quả cả năm 2013, Tổng Doanh thu, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác đạt hơn 350 tỷ đồng đạt mức hơn 50% kế hoạch đặt ra; bằng 205% so với năm 2012.

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Chênh lệch năm 2013 so với năm 2012
1	Tổng tài sản	498.964.140.037	562.950.944.993	63.985.804.956
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	170.480.796.183	350.368.414.343	179.887.618.160
3	Lợi nhuận sau thuế	(36.157.247.916)	82.859.473.662	119.016.721.578
4	EPS	(1.446)	2.213	3.660

Kế hoạch doanh thu chưa đạt được chủ yếu là bởi Công ty chưa thực hiện chuyển nhượng 2 dự án Bất động sản lớn theo kế hoạch, do sự kỳ vọng về thị trường bất động sản sang năm 2014 sẽ tốt hơn nhiều và Công ty sẽ có Doanh thu và Lợi nhuận lớn từ việc chuyển nhượng đó.

Về lợi nhuận: lãi 83 tỷ đồng đạt mức 64% kế hoạch (với tỷ lệ hoàn thành cao hơn doanh thu), Lợi nhuận năm 2013 đã bù đắp hoàn toàn lỗ lũy kế của 2 năm liên tiếp hơn 66 tỷ đồng. Có thể nói đó là kết quả khá ấn tượng trong bối cảnh Công ty cũng như nền kinh tế trong năm 2013 còn nhiều khó khăn.

Đây là cơ sở để Sở giao dịch HSX có các Quyết định liên tục trong năm 2013: Từ việc tạm ngừng giao dịch cổ phiếu VHG từ ngày 03/04/2013, đến việc đưa cổ phiếu VHG được giao dịch trở lại theo diện chứng khoán bị kiểm soát kể từ ngày 11/04/2013, và cuối cùng là Quyết định về việc đưa cổ phiếu VHG ra khỏi diện kiểm soát kể từ ngày 25/10/2013

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

▪ Ông Trần Xuân Hiếu – Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Trần Xuân Hiếu
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/11/1978
Nơi sinh:	Hà Nội 012870853, cấp ngày 27/08/2009 tại CA Hà Nội
CMND:	Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại:	0510 3946 345
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
2003-2008	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Bình Minh
2008- 2011	Phó Giám đốc CTCP Khoáng sản Bình Định
2011-2012	Thành viên HĐQT công ty Cổ phần Khoáng Sản Miền Trung
8/2013 - Nay	Tổng Giám đốc Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn
Chức vụ hiện nay	
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	200.000 cổ phần (tương ứng 0,53% vốn điều lệ)
Trong đó:	
+ Sở hữu cá nhân:	200.000 cổ phần (tương ứng 0,53% vốn điều lệ)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không có

▪ **Bà Đinh Thị Thúy Hạnh – Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên: Đinh Thị Thúy Hạnh
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 04/04/1973
Nơi sinh: Hà Nội
CMND: 001173000170
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: 59 Lương Ngọc Quyến, P Hàng Buồm, Q Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 0968266951
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân ngoại ngữ
Quá trình công tác: 2003 - Nay
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 10 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
Trong đó:
+ Sở hữu cá nhân: 10 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
0 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

▪ Ông Lê Khiếu Phương – Kế toán trưởng

Họ và tên:	Lê Khiếu Phương
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/04/1977
Nơi sinh:	Nghệ An
CMND:	011893335 do CA Hà Nội cấp ngày 04/04/2013
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	114 Nguyễn Ngọc Nại, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại:	0510 3946 345
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	
- 2000-2001	Kế toán hãng Kodak
- 2002 -2004	Kế toán trạm trộn bê tông – TCT XD Sông Đà
- 2005-2007	Kế toán trưởng Xí nghiệp xây lắp Na Hang
- 2008-2012	Kế toán trưởng BQL KCN Yên Phong II
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng CTCP Đầu Tư và Sản xuất Việt Hàn
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	0 cổ phiếu
Trong đó:	
+ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phiếu, tương ứng 0% vốn điều lệ
	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

- Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với ông Huỳnh Tấn Chung từ ngày 18/05/2013
- Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Đông từ ngày 29/10/2013
- Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Thu Thảo từ ngày 18/05/2013
- Bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với ông Trần Xuân Hiếu từ ngày 18/05/2013
- Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với ông Lê Khiếu Phương từ ngày 18/05/2013
- Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với bà Đinh Thị Thúy Hạnh từ ngày 1/6/2013

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

Năm 2013, VHG đã liên tục đánh giá lại nguồn nhân lực, sắp xếp và cải tổ lại toàn bộ hệ thống. VHG đã phát triển toàn diện hệ thống ISO 9001:2008 trong tất cả các tổ chức nội bộ, áp dụng quản trị theo công nghệ thông tin hiện đại. Nguồn nhân lực đã thay đổi mạnh trong năm, đa phần lao động đều tâm huyết, gắn bó và chia sẻ những khó khăn chung.

Tại thời điểm 31/12/2013, tổng số lao động của VHG là 40 người, trong đó:

- Trình độ đại học, trên đại học: 8 người
- Trình độ cao đẳng: 10 người
- Lao động phổ thông, trung cấp, nghề: 22 người

Chính sách đối với người lao động

Công ty áp dụng các luật, quy chế và các thông lệ trong công tác quản lý lao động phù hợp với Luật lao động, đảm bảo các chính sách cơ bản, ký kết hợp đồng lao động, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thôi việc, thâm niên... và các chính sách khác theo chế độ dành cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ban lãnh đạo luôn xác định và định hướng con người luôn là nhân tố quan trọng nhất của công ty trong quá trình phát triển. Chính vì thế chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty luôn là động lực tạo ra sự gắn kết người lao động và sự phát triển lâu dài và bền vững của công ty.

Hiện tại, Công ty đã xây dựng và hoàn thiện quy trình tuyển dụng và kế hoạch đào tạo nhân sự. Do đó người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty nắm bắt và hòa nhập nhanh chóng vào môi trường làm việc. Hơn nữa, lãnh đạo Công ty có chủ trương khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý. Đồng thời, kinh phí đào tạo cũng được dự trù hàng năm trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp Bảo hiểm Xã hội & Bảo hiểm Y tế và trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ quy định của Luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo văn bản thỏa ước lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Do định hướng kinh doanh có sự thay đổi chiến lược, nên hoạt động chính trước đây của VHG (sản xuất cáp, nhựa, ...) không còn là hoạt động chính, chỉ còn là một phần nhỏ trong chiến lược của VHG.

VHG đang trong giai đoạn tái cấu trúc tài chính, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng, thanh lý các khoản đầu tư không hiệu quả hoặc không còn phù hợp với định hướng mới nhằm thu hồi vốn đầu tư để tập trung nguồn cho định hướng kinh doanh mới là đầu tư vào lĩnh vực cao su và cơ sở hạ tầng.

Công ty đã góp vốn thành lập Công ty CP Khoáng sản Việt Hàn chuyên về khoáng sản phục vụ hỗ trợ làm hạ tầng, khu Công nghiệp và đường giao thông nhằm triển khai thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của quốc gia và trong khu vực miền Trung như các dự án làm đường cao tốc, dự án cấp thoát nước, các dự án hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp... nhằm đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai.

Đồng thời, thành lập Công ty cổ phần Cao su Việt Hàn. Hoàn thiện hệ thống quy hoạch, quản lý vườn cây cao su theo quy trình chuẩn. Nghiên cứu các giống cây cao su mới cho năng suất cao và phù hợp với thổ nhưỡng và địa hình của địa phương.

Năm 2013, Công ty chú trọng vào dự án Trồng cây cao su: do xác lập thủ tục quyền sử dụng đất kéo dài từ chính quyền địa phương nên trong năm vẫn chưa phát triển thêm diện tích đất cho dự án (kế hoạch 2013 sẽ chuyển sang 2014, tổng diện tích quy hoạch của dự án là 13.303 ha). Trong năm tập trung đầu tư hạ tầng, chăm sóc và nâng cao chất lượng vườn cây, tiến hành rà soát và đúc kết kinh nghiệm làm cơ sở cho việc triển khai đồng loạt dự án cho các năm sau. Công ty đã trồng thêm được trên gần 100ha cao su trong năm 2013. Đây là hoạt động chính trong định hướng phát triển mới của Công ty trong thời gian tới.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000790443 ngày 23/12/2010 của Sở KHĐT Tỉnh Quảng Nam với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng (trong đó Công ty chiếm 65% vốn điều lệ và Công ty Dịch vụ & Đầu tư Quê Việt (Canada) chiếm 35% vốn điều lệ). Ngày 01/11/2013, Công ty đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ cấu vốn là Công ty chiếm 65% vốn điều lệ. Ngày 20/11/2013, Công ty đã chuyển nhượng 10 tỷ đồng vốn đầu tư. Hiện Công ty đang gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Quảng Nam để điều chỉnh Giấy chứng nhận kinh doanh.
- Công ty CP Khoáng sản Việt Hàn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000931126 ngày 30/05/2013 của Sở KHĐT Tỉnh Quảng Nam với vốn điều lệ là 80 tỷ đồng (trong đó Công ty Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn chiếm 51% vốn điều lệ). Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty đã góp vốn bằng tiền 60 tỷ đồng, chiếm 75% vốn điều lệ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Công ty CP Cao su Việt Hàn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40007939100 ngày 30/09/2013 của Sở KHĐT Tỉnh Quảng Nam với vốn điều lệ là 80 tỷ đồng (trong đó Công ty Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn chiếm 95%). Tính đến thời điểm 31/12/2013, mới chỉ có Công ty góp vốn 76.000.000.000 đồng.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
1. Tổng giá trị tài sản	498.964.140.037	562.949.944.993	12,82%
2. Doanh thu thuần	168.286.570.478	186.590.902.494	10,88%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-34.210.079.576	50.364.695.983	247,22%
4. Lợi nhuận khác	-1.872.554.396	43.155.208.759	2.404,62%
5. Lợi nhuận trước thuế	-36.082.633.972	93.519.904.742	359,18%
6. Lợi nhuận sau thuế	-36.157.247.916	83.002.227.782	329,56%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (% vốn điều lệ)	0	3	

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2013 - VHG)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,28	1,43
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,76	1,42
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	28,08	17,63
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	39,04	22,87
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	2,35	5,14

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0,33	0,35
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	44,48
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-	19,13
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-	14,74
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	26,99
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	(1.446)	2.213

(Nguồn: VHG)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 37.500.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 37.500.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan: Không có

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 24/3/2014

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2.779	37.182.055	371.820.550.000	99,15
1	Cổ đông tổ chức	19	152.481	1.524.810.000	0,41
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
2	Cổ đông cá nhân	2.760	37.029.574	370.295.740.000	98,75

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
II	Cổ đông nước ngoài	38	317.945	3.179.450.000	0,85
1	Cổ đông tổ chức	3	252.195	2.521.950.000	0,67
2	Cổ đông cá nhân	35	65.750	657.500.000	0,18
	Tổng cộng	2.817	37.500.000	375.000.000.000	100

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 ngày 31/8/2013.

- Tỷ lệ phát hành: 1:2 (cổ đông nắm giữ 02 cổ phiếu sẽ nhận được 01 cổ phiếu thưởng)
- Nguồn thực hiện: Thặng dư cổ phần
- Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành: 25.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 12.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 37.500.000 cổ phần

Ngày 27/12/2013, Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh đã có quyết định số 270/2013/QĐ-SDCKHCM chấp thuận cho Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm 12.500.000 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (Mười hai triệu năm trăm nghìn cổ phiếu) tương đương 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng), nâng mức vốn điều lệ của Công ty lên 375 tỷ đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.



VIET-HAN CORPORATION

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC





III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2013 là năm Công ty đẩy mạnh thực hiện tái cấu trúc toàn diện chiến lược phát triển theo định hướng mới. Tách các nhà máy thành lập Công ty con để quản lý một cách độc lập, dần chủ động tài chính, đồng thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ cổ phần Công ty này theo kế hoạch tái cấu trúc tài chính.

Công ty đã thanh lý tài sản, vật tư nhà máy cáp đồng đã ngừng sản xuất trong 3 năm qua với giá hợp lý thu về 17 tỷ đồng, giảm thiểu thua lỗ để thu hồi vốn bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tăng cường công tác thu hồi nợ và áp dụng các biện pháp cứng rắn xử lý dứt điểm các khoản nợ khó đòi. Tăng cường quản trị nội bộ, gia tăng các biện pháp giải pháp tiết kiệm chi phí quản lý.

Nghiên cứu và phát triển lĩnh vực mới cũng như các lĩnh vực hiện có: đầu tư lĩnh vực cao su và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Đối với các dự án bất động sản: Do tình hình thị trường có nhiều thay đổi, VHG đã cân nhắc triển khai thực hiện các dự án bất động sản và hạ tầng: dự án D'EVELYN BEACH (Công ty con Quê Việt-Quảng Nam là chủ đầu tư) đã thực hiện điều chỉnh phương án kinh doanh, trình quy hoạch phù hợp, thực hiện đăng ký giãn tiến độ đầu tư với chính quyền. Đàm phán thanh lý các hợp đồng hợp tác với Handic, đối tác Hacisco; đồng thời lập thủ tục chuyển trả dự án cụm công nghiệp dịch vụ An Lưu (Quảng Nam) thu hồi vốn.

Kết quả hợp nhất cả năm 2013, Doanh thu thuần, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác đạt hơn 350 tỷ đồng đạt mức hơn 50% kế hoạch đặt ra; bằng 205% so với năm 2012, do chưa chuyển nhượng hai dự án Bất động sản theo kế hoạch do kỳ vọng mức giá chuyển nhượng tốt hơn trong năm 2014.

Mặc dù chỉ tiêu lợi nhuận không đạt được như kỳ vọng nhưng những con số trên đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng nghỉ cán bộ công nhân viên VHG trong việc nhận định thị trường và ra quyết định trong nền kinh tế còn nhiều biến động và tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2013 là 562,9 tỷ đồng, tăng 12,8% so với năm 2012. Nguyên nhân là do trong năm công ty đã thực hiện chuyển nhượng tài sản đầu tư không hiệu quả hoặc không phù hợp, thu hồi vốn, tập trung vốn theo định hướng kinh doanh mới.

Công ty đã thanh lý tài sản, vật tư nhà máy cáp đồng đã ngừng sản xuất trong 3 năm qua với giá hợp lý thu về 17 tỷ đồng, giảm thiểu thua lỗ để thu hồi vốn bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con (Công ty cổ phần Nhựa Kim Tín và Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Hàn), tập trung vốn đầu tư lĩnh vực cao su và xây dựng cơ sở hạ tầng.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các khoản nợ xấu của Công ty hiện nay phần lớn là các khoản nợ vừa và nhỏ. Công ty đang tích cực thu hồi nợ, sử dụng mọi công cụ có thể có như đàm phán, sử dụng quan hệ, pháp lý.... Khả năng thu hồi nợ xấu là khoảng 70%.

2.2. Tình hình nợ phải trả

STT	Khoản mục	31/12/2012 (VND)	31/12/2013 (VND)
I	Nợ ngắn hạn	133.102.263.677	99.228.594.971
1	Vay và nợ ngắn hạn	108.261.998.599	61.620.002.110
2	Phải trả người bán	14.093.430.909	10.698.147.160
3	Người mua trả tiền trước	4.025.353.071	5.541.308.515
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	969.575.657	10.724.054.802
5	Phải trả người lao động	1.925.836.279	380.919.995
6	Chi phí phải trả	421.522.251	2.092.927.021
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.305.521.245	8.139.189.702
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	99.045.666	32.045.666
II	Nợ dài hạn	7.000.000.000	-
1	Vay và nợ dài hạn	7.000.000.000	-
2	Phải trả dài hạn khác	-	-
	Tổng cộng	140.102.263.677	99.228.594.971

Tổng nợ phải trả năm 2013 giảm 29,1% so với năm 2012 do Công ty thực hiện tái cấu trúc tài chính, tăng cường công tác thu hồi nợ và thanh lý, chuyển nhượng tài sản, cải thiện dòng tiền Công ty.

Năm 2013, VHG đã thanh toán Ngân hàng BIDV chi nhánh Quảng Nam khoản vay 60 tỷ, giảm gần ½ số vay ngắn hạn. Phần vay ngắn hạn còn lại không còn áp lực lớn và sẽ được trả dần trong các kỳ thanh toán tiếp theo, tình hình tài chính Công ty đến nay đã trở nên lành mạnh. Bên cạnh đó các khoản phải trả nhà cung cấp cũng giảm đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, thay đổi bổ nhiệm mới nhiều vị trí chủ chốt trong Ban Giám đốc, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty, tiến tới mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng, hoạt động hiệu quả. Đồng thời giảm đáng kể chi phí quản lý doanh nghiệp cho những kỳ tiếp theo; đáp ứng cho mục tiêu phát triển của VHG những năm tới, góp phần nâng cao hiệu quả và tăng tỷ suất lợi nhuận năm 2013

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tập trung đầu tư theo định hướng kinh doanh mới, lấy lĩnh vực cao su là lĩnh vực hoạt động chính.

Kiên toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa, áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị doanh nghiệp, tiếp tục xây dựng và phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ công nhân viên công ty

Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn.

Xây dựng kế hoạch và kiểm soát hoạt động của toàn hệ thống (công ty mẹ và công ty con) nhằm hoạt động đồng bộ, khai thác tối đa ưu thế nguồn nhân lực.

Kế hoạch kinh doanh năm 2014

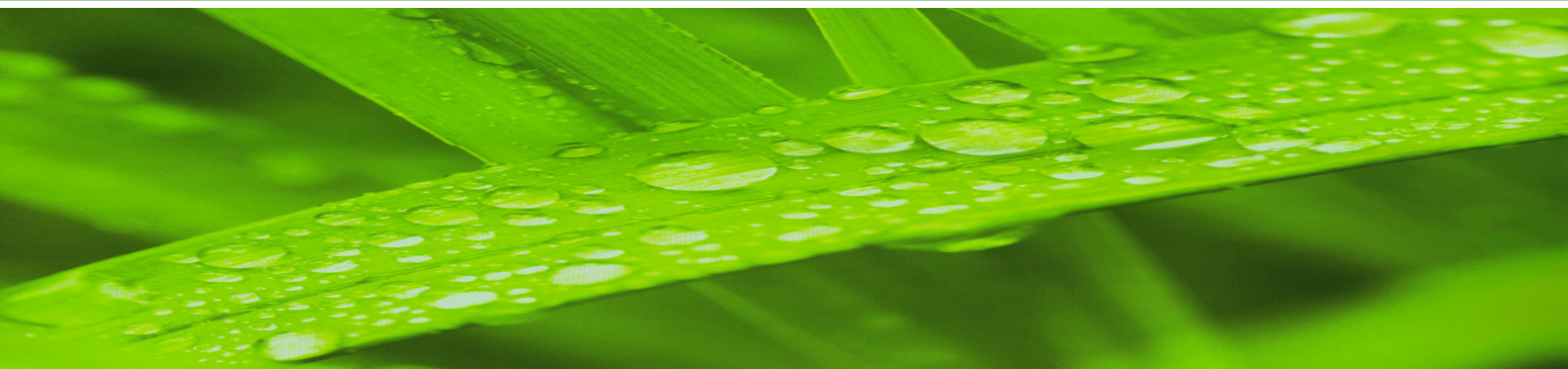
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Doanh thu	Tỷ đồng	350
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	75
3	Cổ tức	% Vốn điều lệ	10%

Kế hoạch kinh doanh năm 2014 trên, Công ty chưa tính đến kết quả từ việc chuyển nhượng tài sản, thu hồi nợ xấu, hoàn nhập dự phòng theo kế hoạch tái cấu trúc và lợi nhuận từ hoạt động tài chính.



VIET-HAN CORPORATION

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY





IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2013, tác động của cuộc khủng hoảng tài chính vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế. Tốc độ khôi phục nền kinh tế không nhanh như kỳ vọng. Lạm phát đã được kiểm soát nhưng còn tiềm ẩn nguy cơ gia tăng lại. Tín dụng cho nền kinh tế tăng chậm, khả năng tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp còn bị hạn chế.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực bám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013. Mặc dù chưa đạt được như kỳ vọng, nhưng với lợi nhuận năm 2013 (lãi 83 tỷ đồng) đã bù đắp hoàn toàn lỗ lũy kế của 2 năm liên tiếp hơn 66 tỷ đồng, đã thể hiện sự nỗ lực không ngừng của cán bộ công nhân viên Việt Hàn thực hiện tái cấu trúc toàn diện doanh nghiệp, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Trong năm công tác HĐQT đã giao, phân quyền chủ động kinh doanh cho TGD và ban GD các Công ty con, dự án theo chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể;

Các công ty con, dự án đã giữ vững được sản xuất, nỗ lực cố gắng theo đuổi để hoàn thành các mục tiêu của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;

Công ty tuân thủ đúng quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng. Tình hình nộp nhân sách nhà nước về thuế, BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện cơ bản đúng theo quy định;

Công ty đã sắp xếp và tái cấu trúc hợp lý bộ máy tổ chức, tinh giảm nhân sự trong toàn Công ty và nâng cao hiệu quả hoạt động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mặc dù đã có những dấu hiệu cải thiện tích cực nhưng nền kinh tế năm 2014 vẫn tiếp tục phải đối mặt với những thách thức, khó khăn từ những bất ổn kinh tế vĩ mô kéo dài từ những giai đoạn trước.

Nhằm tiếp tục thực hiện thành công kế hoạch tái cấu trúc toàn diện Công ty, trong thời gian tới, Hội đồng quản trị sẽ tập trung:

a. Bộ máy quản lý

- Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa; áp dụng công nghệ thông tin vào trong quản trị doanh nghiệp. Đồng thời tiếp tục xây dựng và phát triển môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ công nhân viên Công ty;
- Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn;
- Xây dựng kế hoạch và kiểm soát hoạt động của toàn hệ thống (công ty mẹ và công ty con) nhằm hoạt động đồng bộ, khai thác tối đa ưu thế nguồn nhân lực.



b. Nguồn nhân lực

- Có chính sách mạnh dạn thay đổi và thu hút nguồn lãnh đạo cao cấp có trình độ và năng lực;
- Có chính sách bắt buộc đào tạo đội ngũ lãnh đạo kế cận;
- Có cơ chế thưởng phạt, cam kết và chịu trách nhiệm cá nhân trước Công ty về kết quả SXKD của các GD.

c. Các vấn đề khác

- Tăng cường quan hệ với đối tác bạn hàng quan trọng để tận dụng các cơ hội kinh doanh.
- Xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo và hiệu quả. Xây dựng thương hiệu Việt hàn vững mạnh trên thị trường, lấy lại vị thế Công ty là công ty chủ chốt ở Miền Trung.



VIET-HAN CORPORATION

QUẢN TRỊ CÔNG TY



V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ VĐL
			Cá nhân	Đại diện	
1	Phạm Dũng Tiến	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	0	0	0
2	Trần Xuân Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT	200.000	0	0,53
3	Nguyễn Tiến Lực	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	0	0	0
4	Nguyễn Thăng Lợi	Thành viên HĐQT	2.250	0	0,01
5	Nguyễn Ngọc Quyền	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	0	0	0

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT	19/03/2013	- Định hướng kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2013
02	135/NQ-HĐQT	10/03/2013	- V/v tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013
03	005/NQ-HĐQT	08/04/2013	- V/v thành lập công ty con (Công ty CP VLXD Việt Hàn) – thành viên của VHG và cử người đại diện vốn
04	245/NQ-HĐQT	22/05/2013	- V/v bổ nhiệm nhân sự cấp cao của công ty và cử người địa diện vốn tại các công ty thành viên.
05	006/NQ-HĐQT	25/05/2013	- V/v thành lập cty con – Công ty CP Khoáng sản Việt Hàn, thành viên của VHG và cử người đại diện vốn.
06	270/QĐ-HĐQT	28/05/2013	- V/V bổ nhiệm chức danh Phó TGD phụ trách khối các nhà máy sản xuất

QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
07	302/NQ-HĐQT	19/06/2013	- V/v thành lập công ty con (tên dự kiến Công ty CP Đồng Minh) thành viên VHG và cử người đại diện vốn.
08	336/NQ-HĐQT	24/06/2013	- V/v thành lập cty Cổ phần Nhựa Kim Tín thay thế tên gọi cho công ty CP Đồng Minh theo Nghị quyết số 302/NQ-HĐQT.
09	337/NQ-HĐQT	27/06/2013	- V/v chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty con (Công ty CP Nhựa Kim Tín)
10	338/NQ-HĐQT	30/06/2013	- V/v Mua nhà và đất 243/11 Nguyễn Văn Hưởng – TP Hồ Chí Minh
11	339/NQ-HĐQT	19/07/2013	- V/v tổ chức ĐHCĐ bất thường
12	340/NQ-HĐQT	19/07/2013	- V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán
13	395/NQ-HĐQT	11/09/2013	- V/v Triển khai Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2013
14	398/NQ-HĐQT	17/09/2013	- V/v Nghị quyết HĐQT về việc thành lập CTCP Cao su Việt Hàn và cử người đại diện góp vốn
15	411/NQ-HĐQT	29/10/2013	- V/v Chuyển nhượng phần vốn tại công ty con (CTCP Kim Tín)
16	413/NQ-HĐQT	4/11/2013	- V/v Phát hành cổ phiếu thưởng và tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2013 bằng tiền mặt
17	424/NQ-HĐQT	14/11/2013	- V/v Thành lập Công ty con (Công ty TNHH MTV Hạ tầng Việt Hàn –tên dự kiến)
18	432/NQ-HĐQT	10/12/2013	- V/v Phân phối cổ phiếu lẻ trong đợt phát hành cổ phiếu thưởng năm 2013
19	441/NQ-HĐQT	23/12/2013	- V/v điều chỉnh thời gian thanh toán tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013

- c) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không có.
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ VĐL
			Cá nhân	Đại diện	
1	Nguyễn Thị Phương	Trưởng BKS	0	0	0
2	Lê Đức Minh	Thành viên BKS	0	0	0
3	Nguyễn Đình Quyết	Thành viên BKS	0	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát đã thực thi nhiệm vụ được qui định, phân công kiểm soát, đánh giá từng hoạt động chuyên sâu. Các hoạt động của Ban Kiểm soát được tiến hành một cách chủ động theo qui định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể:

Số cuộc họp của Ban kiểm soát: 02 cuộc họp

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thẩm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm của Công ty, báo cáo kiểm toán và danh sách các bút toán điều chỉnh của kiểm toán.
- Thẩm tra kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo qui định của Pháp luật về thuế, kế toán và các chính sách hiện hành.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư
- Giám sát về việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát và Kế toán trưởng công ty

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc tạo mọi điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

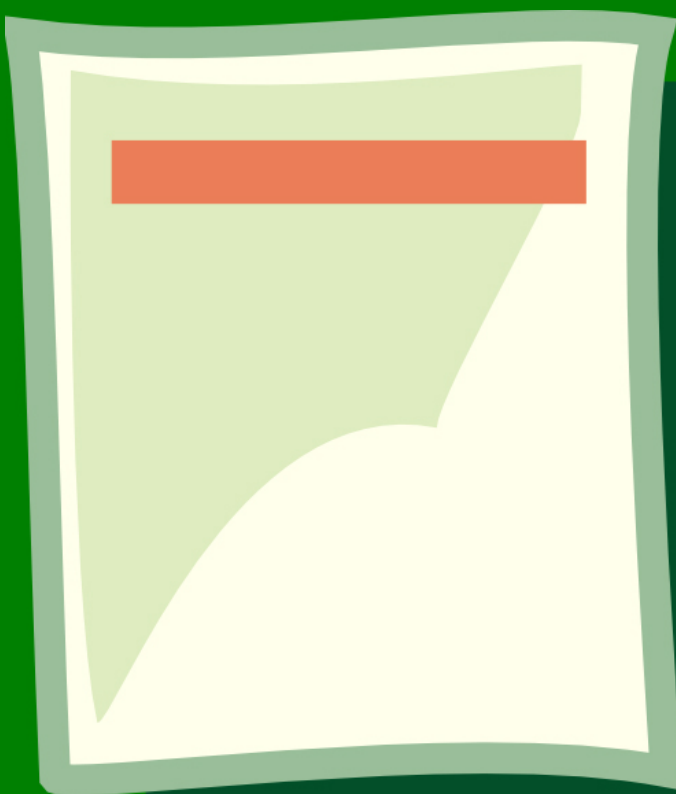
Nội dung	Thu lao năm 2013 (Đồng)	Ghi chú
Hội đồng quản trị	120.000.000	
Ban kiểm soát	72.000.000	

QUẢN TRỊ CÔNG TY

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đình Công Trạng	Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.473.844	13,90%	0	0,00%	Bán
2	Đình Văn Chính	Em của Đình Công Trạng – Nguyên Chủ tịch HĐQT	380.697	1,52%	0	0,00%	Bán
3	Huỳnh Tấn Chung	Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT	3.069.383	12,28%	0	0,00%	Bán
4	Lê Kông Sơn	Cha của Lê Kông Minh – Nguyên UV HĐQT	1.033.200	4,12%	0	0,00%	Bán
5	Lê Thị Kim Ánh	Em của Lê Kông Minh – Nguyên UV HĐQT	105.305	0,42%	0	0,00%	Bán
6	Đình Thị Thúy Hạnh	Ủy viên HĐQT	54.587	0,22%	7	0,00%	Bán
7	Đình Thu Thủy	Em của Đình Thị Thúy Hạnh – UV HĐQT	106.000	0,42%	0	0,00%	Bán
8	Phạm Ngọc Hiệp	Nguyên TV Ban kiểm soát	25.000	0,10%	0	0,00%	Bán
9	Doãn Mỹ Linh	Vợ Phạm Ngọc Hiệp – Nguyên TV Ban Kiểm soát	6.900	0,028%	0	0,00%	Bán
10	Nguyễn Thăng Lợi	Ủy viên HĐQT			1.500	0,00%	Mua
11	Trần Xuân Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT			200.000	0.50%	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có



VIET-HAN CORPORATION

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Địa chỉ : 217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại : (84-511) 3655886 Fax : (84-511) 3655887

Website : www.acc.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán

"Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất"

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013:



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính

Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 150/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08/03/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 7 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

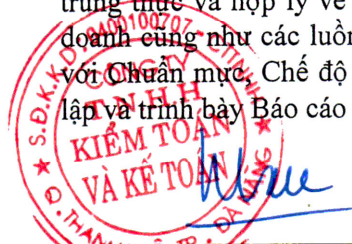
Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Thị Phương Lan

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0396-2013-010-1

Đinh Thị Ngọc Thùy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1463-2013-010-1

Báo cáo này được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính và các Thuyết minh báo cáo đính kèm

Trang 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141.558.689.076	170.376.374.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	29.504.848.389	6.603.409.430
1. Tiền	111		29.504.848.389	4.378.879.926
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.224.529.504
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.752.298.500	2.889.842.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.040.156.522	5.239.888.522
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(287.858.022)	(2.350.046.522)
III. Các khoản phải thu	130		99.775.762.726	86.823.790.468
1. Phải thu của khách hàng	131		37.605.143.574	43.021.114.599
2. Trả trước người bán	132	7	17.412.183.960	9.900.666.428
3. Các khoản phải thu khác	135	8	58.743.305.940	40.244.905.310
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(13.984.870.748)	(6.342.895.869)
IV. Hàng tồn kho	140		681.959.156	68.752.312.482
1. Hàng tồn kho	141	9	681.959.156	70.048.345.041
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.296.032.559)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.843.820.305	5.307.020.187
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	56.999.251	300.512.098
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.108.658.061	28.190.729
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154		37.834.494	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	2.640.328.499	4.978.317.360
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			421.391.255.917	328.587.765.470
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.648.466.143	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218	12	16.648.466.143	-
II. Tài sản cố định	220		163.527.432.863	202.219.206.010
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.531.049.120	90.963.147.117
- Nguyên giá	222		20.519.605.935	214.952.531.992
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.988.556.815)	(123.989.384.875)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	205.575.275	35.067.761.576
- Nguyên giá	228		675.311.099	36.469.758.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(469.735.824)	(1.401.996.523)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	158.790.808.468	76.188.297.317
III. Bất động sản đầu tư	240	16	91.231.587.676	119.644.162.842
- Nguyên giá	241		91.231.587.676	120.298.517.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(654.354.342)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	17	85.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		85.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		64.983.769.235	6.724.396.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	64.983.769.235	4.624.396.618
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	2.100.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		562.949.944.993	498.964.140.037

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo) Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. Nợ phải trả	300		99.228.594.971	140.102.263.677
I. Nợ ngắn hạn	310		99.228.594.971	133.102.263.677
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	61.620.002.110	108.261.998.599
2. Phải trả người bán	312		10.698.147.160	14.093.430.909
3. Người mua trả tiền trước	313		5.541.308.515	4.025.333.071
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	10.724.054.802	969.575.657
5. Phải trả người lao động	315		380.919.995	1.925.836.279
6. Chi phí phải trả	316	21	2.092.927.021	421.522.251
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	8.139.189.702	3.305.521.245
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		32.045.666	99.045.666
II. Nợ dài hạn	330		-	7.000.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	7.000.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		433.879.321.550	358.861.876.360
I. Vốn chủ sở hữu	410		433.879.321.550	358.861.876.360
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	375.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	50.000.000.000	175.000.000.000
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420	23	8.879.321.550	(66.138.123.640)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		29.842.028.472	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		562.949.944.993	498.964.140.037

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ các loại (USD)	940,69	940,01



Tổng Giám đốc

Trần Xuân Hiếu

Quảng Nam, ngày 08 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Lê Khiếu Phương

Người lập biểu

Trương Văn Thịnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013


Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	186.935.111.658	168.617.548.667
2. Các khoản giảm trừ	02	24	344.309.164	330.978.189
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	186.590.802.494	168.286.570.478
4. Giá vốn hàng bán	11	25	178.529.345.908	160.125.231.708
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.061.456.586	8.161.338.770
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	81.403.490.450	1.548.753.417
7. Chi phí tài chính	22	27	11.518.382.937	16.046.483.610
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.700.425.212	16.697.068.553
8. Chi phí bán hàng	24		6.784.887.076	10.976.692.430
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.796.981.040	16.896.995.723
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.364.695.983	(34.210.079.576)
11. Thu nhập khác	31	28	82.029.812.235	314.494.099
12. Chi phí khác	32	29	38.874.603.476	2.187.048.495
13. Lợi nhuận khác	40		43.155.208.759	(1.872.554.396)
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30	93.519.904.742	(36.082.633.972)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	10.660.431.080	74.613.944
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	30	82.859.473.662	(36.157.247.916)
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	30	(142.754.120)	
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	30	83.002.227.782	(36.157.247.916)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.213	(1.446)

Tổng Giám đốc

Trần Xuân Hiếu

Quảng Nam, ngày 08 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Lê Khiêu Phương

Người lập biểu

Trương Văn Thịnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	216.309.669.546	212.695.972.933
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(182.090.507.296)	(154.254.115.902)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.452.393.804)	(19.176.037.552)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(11.749.379.126)	(17.594.698.701)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	(74.613.944)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.552.430.158	3.905.061.945
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(19.612.819.569)	(19.525.588.344)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.956.999.909	5.975.980.435
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(87.271.726.233)	(5.345.183.520)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	4.896.363.636	209.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.660.000.000)	(1.320.782.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	1.320.782.000	420.110.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(92.819.110.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	218.617.311.684	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	651.346.501	762.047.337
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	42.734.967.588	(5.274.717.274)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	126.139.361.602	133.542.123.734
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(179.890.243.712)	(132.557.748.022)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.937.500)	(173.748.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(33.790.819.610)	810.626.812
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	22.901.147.887	1.511.889.973
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	6.603.409.430	5.091.545.786
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	291.072	(26.329)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	29.504.848.389	6.603.409.430



Trần Xuân Hiếu

Quảng Nam, ngày 08 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Lê Khiếu Phương

Người lập biểu

Trương Văn Thịnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ ngày thành lập đến nay Công ty đã có 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 12 năm 2013 với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 4000386181). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: thủy điện, sản xuất điện khác (điện phong...));
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác quặng đồng;
- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất linh kiện điện tử (Chi tiết: sản xuất các thiết bị điện thoại);
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: bán buôn các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Bán buôn thiết bị điện lạnh, điện cơ;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn giấy các loại;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản cầm).

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 bao gồm Công ty mẹ và 4 Công ty con.

Các công ty con được hợp nhất:

✓ Công ty TNHH Quê Việt – Quảng Nam

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000790443 ngày 23/12/2010
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng (trong đó Công ty chiếm 65% vốn điều lệ và Công ty Dịch vụ & Đầu tư Quê Việt (Canada) chiếm 35% vốn điều lệ). Ngày 01/11/2013, Công ty đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ cấu vốn là Công ty chiếm 65% vốn điều lệ và ông Nguyễn Đình Bảng chiếm 35% điều lệ. Tại ngày 31/12/2013, vốn thực đã góp của các cổ đông là 65 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Công ty là 55 tỷ đồng và của bà Nguyễn Thị Lan Anh là 10 tỷ đồng. Hiện Công ty đang gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Quảng Nam để điều chỉnh Giấy chứng nhận kinh doanh.

✓ Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Việt Hàn

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000927338 ngày 12/04/2013
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 1, Xã Tam Lộc, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam
- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản phẩm chịu lửa, xi măng, vôi, thạch cao, bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, sản phẩm gốm sứ khác.
- Vốn điều lệ: 30,5 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ cam kết góp 30 tỷ. Ngày 30/09/2013, Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp vào Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Việt Hàn cho các cổ đông khác.

✓ Công ty Cổ phần Khoáng sản Việt Hàn

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000931126 ngày 30/05/2013 và Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 21/02/2014.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu B, Lô 4 KCN Điện Nam Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam
- Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác quặng sắt, sản xuất vật liệu từ đất sét.

- Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng (trong đó Công ty Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn cam kết góp 40,8 tỷ đồng). Tính đến thời điểm 31/12/2013, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ, trong đó Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn góp vốn bằng tiền 60 tỷ đồng, chiếm 75% vốn điều lệ.

✓ Công ty Cổ phần Cao su Việt Hàn

- Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000939100 ngày 30/09/2013
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, trồng rừng, chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản khác, dịch vụ lâm nghiệp, sản xuất sản phẩm cao su và các sản phẩm khác từ cao su.
- Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng (trong đó Công ty Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn cam kết góp 76 tỷ đồng). Đến thời điểm 31/12/2013, mới chỉ có Công ty góp vốn 76 tỷ đồng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết, đầu tư trái phiếu, cho vay vốn và các khoản đầu tư dài hạn khác mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư dài hạn được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức kinh tế này bị lỗ tại ngày kết thúc niên độ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 7

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3

4.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.15 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- **Thuế Giá trị gia tăng:** Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán cấp quang, cấp điện, ống nhựa, sản phẩm FRP, vật liệu xây dựng. Các hoạt động khác áp dụng thuế suất theo quy định.
- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:**
 - ✓ Đối với dự án đầu tư sản xuất thành phẩm cấp: Công ty áp dụng thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong thời hạn 8 năm kể từ năm 2007 (năm 2007 đến năm 2014), được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 3 năm kể từ khi có Thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty có Thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm 2005, 2006, 2007 và Dự án này giảm 50% thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo (năm 2008 đến năm 2014). Từ ngày 01/07/2013, Công ty chấm dứt hoạt động sản xuất trong lĩnh vực này, do đó các ưu đãi đầu tư liên quan đến dự án này đã chấm dứt.
 - ✓ Đối với hoạt động bán hàng hóa thương mại và cho thuê Bất động sản đầu tư: Công ty áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
- **Tiền thuê đất:**
 - + Hợp đồng thuê lại đất số 33/HĐTLĐ ngày 28/08/2003 đã ký giữa Công ty và Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN: Công ty thuê tổng cộng 20.000 m² đất tại Lô số 4, Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, Tỉnh Quảng Nam với giá tiền thuê đất là 0,6 USD/m²/năm. Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết ngày 31/12/2007, thời gian còn lại 38 năm Công ty trả tiền thuê đất 6 năm một lần vào tháng đầu tiên của mỗi lần.
 - + Hợp đồng thuê đất số 92/HĐTLĐ ngày 01/7/2007 và số 288/HĐTLĐ ngày 30/11/2007 đã ký giữa Công ty và Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp QNĐN: Công ty thuê tổng cộng 43.800m² đất với thời hạn thuê 39 năm, giá thuê 0,6USD/m²/năm. Tiền thuê đất trả 6 năm một lần.
- **Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.**

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, đầu tư tài chính, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	1.055.765.899	1.100.331.928
Tiền gửi ngân hàng	28.449.082.490	3.278.547.998
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	2.224.529.504
Cộng	29.504.848.389	6.603.409.430

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư ngắn hạn	3.040.156.522	5.239.888.522
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (*)	380.156.522	3.639.106.522
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	2.660.000.000	1.320.782.000
- Cho vay ngắn hạn	-	280.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(287.858.022)	(2.350.046.522)
	2.752.298.500	2.889.842.000

(*) Là các cổ phiếu đã niêm yết, giá trị sổ sách và việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được thể hiện như bảng sau:

Mã cổ phiếu	Số lượng CP	Giá trị sổ sách VND	ĐG sổ sách VND/CP	Thị giá VND/CP	CP dự phòng VND
VMG (@)	20.000	350.000.000	17.500	4.300	264.000.000
VPH	741	30.156.522	40.697	8.500	23.858.022
Cộng		380.156.522			287.858.022

(@) Cổ phiếu VMG của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu bị hủy niêm yết từ ngày 27/7/2012. Công ty không thu thập được các Báo cáo tài chính từ khi bị hủy niêm yết của Công ty này nên dự phòng được lập căn cứ vào giá giao dịch của cổ phiếu vào thời điểm hủy niêm yết.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7. Trả trước cho người bán

Trong tổng nợ trả trước cho người bán có các khoản nợ sau:

- **Chuyển cho Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội**, số tiền: 3.000.000.000 đồng để chuẩn bị đầu tư dự án “Phá dỡ, xây dựng lại nhà G khu tập thể Thành công” theo Biên bản thỏa thuận số 01/HAS-VHG về hợp tác đầu tư ngày 10/03/2008. Theo biên bản thỏa thuận, tiến độ dự án là đến tháng 6 năm 2011 sẽ kết thúc đầu tư đưa công trình vào khai thác sử dụng. Tuy nhiên, cho đến nay dự án vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty hiện đang tiến hành đàm phán với Công ty cổ phần Xây lắp Bưu điện Hà Nội để tiến hành thanh lý Biên bản thỏa thuận đã ký.
- **Chuyển cho Công ty Cổ phần Tư vấn Handic**, số tiền: 4.500.000.000 đồng để thực hiện “Dự án đầu tư phá dỡ, xây dựng mới các nhà chung cư cũ khu B, khu tập thể Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội” theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2007/HĐHTĐT-HD-VH ngày 20/11/2007. Theo hợp đồng, tiến độ dự án là đến quý 4/2010 sẽ kết thúc đầu tư, đưa công trình vào khai thác sử dụng. Đến nay dự án đã không đạt được tiến độ đề ra ban đầu. Công ty hiện đang tiến hành đàm phán với Công ty cổ phần Tư vấn Handic để tiến hành thanh lý hợp đồng đã ký.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đình Công Trạng	-	16.423.433.520
Võ Phạm Thị Thương (i)	5.053.000.000	23.100.000.000
Công ty CP Điện tử - Viễn thông - Tin học Bưu điện	665.618.333	385.618.333
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần Cty CP Kim Tín	19.500.000.000	
- Vũ Thị Lệ	2.850.000.000	
- Dương Thị Hảo	3.850.000.000	
- Phạm Văn Hà	3.160.000.000	
- Nguyễn Thị Lan	4.000.000.000	
- Thái Thị Kim Oanh	2.200.000.000	
- Đặng Anh Quân	3.440.000.000	
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần Cty CP VLXD Việt Hàn	15.000.000.000	
- Nguyễn Thị Anh Xuân	5.000.000.000	
- Trịnh Thị Hương	5.000.000.000	
- Phạm Tiến Đạt	5.000.000.000	
Lê Thị Lan Anh (Phải thu về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Quê Việt - Quảng Nam)	9.000.000.000	
Đình Văn Chính (Tiền lãi cho vay)	13.631.713	13.631.713
Lãi dự thu	249.744.000	116.642.926
Đặt cọc mua mỏ khoáng sản (ii)	6.900.000.000	
Phải thu khác	2.361.311.894	205.578.818
Cộng	58.743.305.940	40.244.905.310

(i) Công ty TNHH Quê Việt là doanh nghiệp do Công ty Dịch vụ và Đầu tư Quê Việt – Canada (Quê Việt – Canada) sở hữu 100% vốn điều lệ, được UBND Tỉnh Quảng Nam cấp phép đầu tư Dự án bất động sản – du lịch (Villa, căn hộ và khách sạn) tại Xã Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quảng Nam. Theo Biên bản ghi nhớ ngày 08/09/2010, hai bên sẽ thành lập Công ty con là Công ty TNHH Quê Việt Quảng Nam (90% vốn của Công ty và 10% vốn của Quê Việt - Canada) để tiếp quản dự án nêu trên từ Công ty TNHH Quê Việt và Công ty có trách nhiệm thanh toán cho Quê Việt - Canada số tiền 2.500.000 USD. Công ty đã thanh toán cho Bà Võ Phạm Thị Thương (Chủ sở hữu Quê Việt – Canada) 23.100.000.000 đồng. Đến năm 2013, Biên bản ghi nhớ nêu trên không thực hiện được như thỏa thuận ban đầu, bà Võ Phạm Thị Thương đã hoàn trả lại một phần số tiền đã tạm ứng là 18.047.000.000 đồng.

(ii) Là khoản tiền đặt cọc để thực hiện Hợp đồng số 01/HTKD/VHM về việc “Hợp tác đầu tư kinh doanh mỏ đá Felspat” giữa Công ty CP Khoáng sản Việt Hàn với Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	681.959.156	17.921.837.604
Công cụ dụng cụ	-	754.739.836
Chi phí SXKD dở dang	-	16.954.141.679
Thành phẩm	-	33.278.067.642
Hàng hóa	-	1.139.558.280
Cộng	681.959.156	70.048.345.041

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phí bảo hiểm, tiền thuê nhà, chi phí quảng cáo,...	56.999.251	300.512.098
Cộng	56.999.251	300.512.098

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	2.339.061.997	3.881.165.856
Thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	301.266.502	1.097.151.504
Cộng	2.640.328.499	4.978.317.360

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đình Công Trọng (i)	16.648.466.143	
	16.648.466.143	-

Đây là khoản nợ mà ông Đình Công Trọng cam kết chịu trách nhiệm cá nhân đối với tổn thất liên quan đến việc kinh doanh thép phế liệu với đối tác nước ngoài theo Giấy xác nhận nợ, cam kết trách nhiệm số 3006/BB ngày 30/06/2011. Thời hạn thanh toán khoản công nợ này là 31/12/2015. Từ ngày 16/01/2014 đến 18/01/2014, ông Trọng đã thanh toán 16 tỷ đồng trong số nợ nêu trên.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	54.053.220.798	145.199.728.572	5.255.523.935	1.749.987.641	8.694.071.046	214.952.531.992
Mua sắm trong năm	-	64.110.740	173.000.000	-	-	237.110.740
Chuyển góp vốn	21.163.304.438	51.282.629.528	3.560.924.161	152.450.500	4.677.031.089	80.836.339.716
T/lý, nhượng bán	-	68.354.233.602	389.399.159	-	14.700.000	68.758.332.761
Chuyển CCDC	239.478.234	300.683.719	66.963.181	1.239.859.973	830.816.890	2.677.801.997
Giảm do HN	17.342.899.611	23.432.334.843	355.550.952	-	1.266.776.917	42.397.562.323
Số cuối năm	15.307.538.515	1.893.957.620	1.055.686.482	357.677.168	1.904.746.150	20.519.605.935
Khấu hao						
Số đầu năm	27.330.064.086	82.357.526.856	4.680.253.579	1.550.550.711	8.070.989.643	123.989.384.875
Khấu hao trong năm	3.201.898.477	6.029.555.825	307.541.823	53.125.447	155.371.707	9.747.493.279
Chuyển góp vốn	11.092.133.266	26.375.706.988	3.374.964.768	152.450.500	4.593.407.111	45.588.662.633
T/lý, nhượng bán	-	51.774.073.329	389.399.159	-	14.700.000	52.178.172.488
Chuyển CCDC	92.469.558	112.771.277	66.963.181	1.146.352.040	768.913.429	2.187.469.485
Giảm do HN	7.445.923.546	9.058.978.020	344.520.507	-	944.594.660	17.794.016.733
Số cuối năm	11.901.436.193	1.065.553.067	811.947.787	304.873.618	1.904.746.150	15.988.556.815
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	26.723.156.712	62.842.201.716	575.270.356	199.436.930	623.081.403	90.963.147.117
Số cuối năm	3.406.102.322	828.404.553	243.738.695	52.803.550	-	4.531.049.120

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2013: 2.156.986.955 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ cầm cố, thế chấp tại thời điểm 31/12/2013: 0 đồng.

Toàn bộ tài sản cố định là máy móc thiết bị của Nhà máy cấp đồng không sử dụng, Công ty đã thực hiện thanh lý.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.891.859.000	577.899.099	36.469.758.099
Tăng trong năm	-	205.200.000	205.200.000
Giảm trong năm (@)	35.891.859.000	107.788.000	35.999.647.000
Số cuối năm	-	675.311.099	675.311.099
Khấu hao			
Số đầu năm	874.140.437	527.856.086	1.401.996.523
Khấu hao trong năm	-	49.667.738	49.667.738
Giảm trong năm (@)	874.140.437	107.788.000	981.928.437
Số cuối năm	-	469.735.824	469.735.824
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	35.017.718.563	50.043.013	35.067.761.576
Số cuối năm	-	205.575.275	205.575.275

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2013: 407.711.099 đồng.

@ Tài sản cố định vô hình giảm là Quyền sử dụng đất thuê không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo hướng dẫn của Thông tư số 45/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Bất động sản đầu tư (KCN An Lưu)	8.910.019.214	8.910.019.214
Dự án trồng cao su	115.156.993.001	50.932.280.379
Dự án cao ốc D'Evelyn (Lotus Plaza)	13.476.200.655	13.465.170.780
Dự án khoáng sản	1.648.303.424	1.648.303.424
Dự án tái chế nhựa	86.358.000	86.358.000
Mua nhà và đất 243/11 Nguyễn Văn Hường	19.000.000.000	
Khu du lịch nghỉ dưỡng	240.909.091	874.140.437
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	272.025.083	272.025.083
Cộng	158.790.808.468	76.188.297.317

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

16. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà đặt trạm thiết bị BTS VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	120.147.187.676	151.329.508	120.298.517.184
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm (@)	28.915.600.000	151.329.508	29.066.929.508
Số cuối năm	91.231.587.676	-	91.231.587.676
Khấu hao			
Số đầu năm	503.024.834	151.329.508	654.354.342
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm (@)	503.024.834	151.329.508	654.354.342
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	119.644.162.842	-	119.644.162.842
Số cuối năm	91.231.587.676	-	91.231.587.676

Giá trị còn lại của Tài sản cố định đang cầm cố thế chấp khoản vay tại ngày 31/12/2013 là 91.231.587.676 đồng.

@ Bất động sản đầu tư giảm là Quyền sử dụng đất thuê không đủ điều kiện ghi nhận là bất động sản đầu tư.

17. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		85.000.000.000	-	-
- Công ty CP Khai thác và Chế biến khoáng sản Quảng Nam	6.000.000	60.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Hoài Mỹ		25.000.000.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				
Cộng	6.000.000	85.000.000.000	-	-

Tại 31/12/2013, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không thu được nguồn dữ liệu tham khảo nào về việc giảm giá của các cổ phiếu này làm cơ sở của việc trích lập dự phòng. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Quảng Nam và Công ty TNHH Thương mại Hoài Mỹ có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó Công ty không lập dự phòng tổn thất vốn đầu tư vào các Công ty này.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

18. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền thuê đất tại KCN trả trước nhiều năm	-	219.605.040
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng FRP	-	14.176.636
Chi phí phân bổ dài hạn của VMC	-	3.192.018.642
Chi phí phân bổ dài hạn của xưởng nhựa	-	447.621.641
Chi phí phân bổ dài hạn của VPDN	741.768.823	750.974.659
Chi phí thuê đất (@)	64.242.000.412	
Cộng	64.983.769.235	4.624.396.618

(@) Là tiền thuê đất trả trước cho toàn bộ thời gian thuê tại Xã Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, bao gồm:

- ✓ Đất xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ du lịch: 29.333 m², thời hạn thuê: 50 năm, bắt đầu từ năm 2012.
- ✓ Đất xây dựng biệt thự kinh doanh bất động sản: 12.572 m², thời hạn thuê: 70 năm, bắt đầu từ năm 2012.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	61.620.002.110	108.261.998.599
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Quảng Nam	3.856.247.240	87.668.454.669
- Ngân hàng TMCP Đông Á Quảng Nam	56.813.754.870	20.593.543.930
- Nguyễn Thắng Lợi	800.000.000	-
- Trần Văn Thuận	150.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	61.620.002.110	108.261.998.599

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế GTGT	21.360.000	827.457.971
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.660.431.080	-
Thuế Thu nhập cá nhân	42.263.722	137.069.886
Thuế tài nguyên	-	3.535.260
Các loại thuế khác	-	1.512.540
Cộng	10.724.054.802	969.575.657

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

21. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi vay phải trả	84.692.364	133.646.278
Chi phí thuê đất	2.008.234.657	-
Chi phí phải trả khác	-	287.875.973
Cộng	<u>2.092.927.021</u>	<u>421.522.251</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	73.735.455	157.297.307
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	42.813.915	292.790.120
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.022.640.332	2.855.433.818
- <i>Phải trả cổ tức</i>	7.543.650.600	83.588.100
- <i>Cty CP PT đô thị và KCN Quảng Nam - Đà Nẵng</i>	-	2.193.364.802
- <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	478.989.732	578.480.916
Cộng	<u>8.139.189.702</u>	<u>3.305.521.245</u>

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	LLNST chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	250.000.000.000	175.000.000.000	-	(29.980.875.724)
Tăng trong năm			49.622.854	(36.157.247.916)
Giảm trong năm			49.622.854	
Số dư tại 31/12/2012	<u>250.000.000.000</u>	<u>175.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(66.138.123.640)</u>
Số dư tại 01/01/2013	250.000.000.000	175.000.000.000	-	(66.138.123.640)
Tăng trong kỳ	125.000.000.000		295.447.579	83.002.227.782
Điều chỉnh hợp nhất				15.217.408
Giảm trong kỳ		125.000.000.000	295.447.579	8.000.000.000
Số dư tại 31/12/2013	<u>375.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>8.879.321.550</u>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

b. Cổ phiếu

	31/12/2013	31/12/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	37.500.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.500.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.500.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.500.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(66.138.123.640)	(29.980.875.724)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	83.002.227.782	(36.157.247.916)
Điều chỉnh hợp nhất	15.217.408	
Phân phối lợi nhuận	8.000.000.000	
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	8.000.000.000	-
- Chia lãi cho các cổ đông	7.500.000.000	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	500.000.000	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.879.321.550	(66.138.123.640)

(i) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 453 ngày 31/12/2013 của Hội đồng Quản trị.

d. Cổ tức

Ngày 4/11/2013, Hội đồng quản trị công ty đã thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2013 với tỷ lệ 3%. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 27/11/2013, thời gian thực hiện: 30/12/2013. Ngày 23/12/2013, Công ty đã thông báo điều chỉnh ngày chi trả cổ tức thành ngày 15/01/2014.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

24. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.935.111.658	168.617.548.667
+ Doanh thu bán thành phẩm	88.084.414.674	144.900.012.691
+ Doanh thu bán hàng hóa	98.850.696.984	23.717.535.976
Các khoản giảm trừ doanh thu	344.309.164	330.978.189
+ Giảm giá hàng bán	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	344.309.164	330.978.189
Cộng	186.590.802.494	168.286.570.478

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	84.183.516.058	137.851.953.212
Giá vốn của hàng hóa đã bán	95.641.862.409	22.329.846.024
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.296.032.559)	(56.567.528)
Cộng	178.529.345.908	160.125.231.708

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	659.609.900	676.412.913
Cổ tức, lợi nhuận được chia	124.837.675	116.510.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	233.161.585	758.253
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	79.834.211.881	-
- Khoản đầu tư vào Công ty CP Nhựa Kim Tín (i)	43.200.000.000	-
- Khoản đầu tư vào Công ty CP VLXD Việt Hàn (ii)	31.634.211.881	-
- Khoản đầu tư vào Cty TNHH Quê Việt Quảng Nam (iii)	5.000.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	551.669.409	755.005.131
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		67.120
Cộng	81.403.490.450	1.548.753.417

(i) Là khoản lãi từ việc chuyển nhượng 14.400.000 cổ phần tại Công ty CP Nhựa Kim Tín.

(ii) Là khoản lãi từ việc chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần tại công ty CP VLXD Việt Hàn

(iii) Là khoản lãi từ việc chuyển nhượng 10.000.000.000 đồng vốn góp tại Công ty TNHH Quê Việt Quảng Nam.



27. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	11.700.425.212	16.697.068.553
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(2.062.188.500)	(5.608.539.478)
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	235.157.944	499.809.322
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.643.650.000	4.448.201.669
Chi phí tài chính khác	1.338.281	9.943.544
Cộng	11.518.382.937	16.046.483.610

28. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn	401.525.694	209.090.909
Thanh lý tài sản cố định	4.896.363.636	-
Thanh lý thành phẩm cấp đồng, vật tư, phế liệu	11.361.136.364	105.403.190
Thu nhập từ đánh giá tài sản góp vốn	64.047.292.345	-
- Thu nhập từ đánh giá tài sản góp vốn vào Công ty CP Nhựa Kim Tín (*)	62.859.660.041	-
- Thu nhập từ đánh giá tài sản góp vốn vào Công ty CP VLXD Việt Hàn	1.187.632.304	-
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	720.000.000	-
Thu nhập từ cho đơn vị khác sử dụng điện	176.294.196	-
Thu nhập từ bán củi tận dụng	427.200.000	-
Cộng	82.029.812.235	314.494.099

(*) Là thu nhập từ việc đánh giá lại tài sản góp vốn vào Công ty CP Nhựa Kim Tín theo Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 30/06/2013. Biên bản này được xác định trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá 18/2013-GNT-TĐG ngày 15/06/2013 của Công ty TNHH Tư vấn GNT Việt Nam.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

29. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí bồi thường, bị phạt	1.041.036.040	1.285.170.498
Chi phí thanh lý các tài sản dài hạn	401.525.694	199.347.116
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	16.580.160.273	-
Chi phí thanh lý vật tư, bán phế liệu	18.313.913.592	193.763.167
Chi phí khác	1.959.595.442	508.767.714
Chi phí liên quan cho thuê tài sản	458.441.875	-
Chi phí liên quan thu nhập tiền điện	119.930.560	-
Cộng	38.874.603.476	2.187.048.495

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	93.519.904.742	(36.082.633.972)
+ Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi		
+ Hoạt động sản xuất kinh doanh không được ưu đãi		
Điều chỉnh các khoản để xác định TN chịu thuế	1.702.608.274	6.842.043.008
+ Các khoản điều chỉnh tăng	3.461.657.830	6.959.311.261
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	451.851.213	167.430.067
- CP khấu hao Nhà máy cáp đồng ngừng sản xuất	3.006.010.178	5.506.710.696
- Chi nộp phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	3.796.439	1.285.170.498
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.759.049.556	117.268.253
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	758.253
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	124.837.675	116.510.000
- Lãi thanh lý công ty con	1.634.211.881	-
Tổng thu nhập chịu thuế chưa trừ chuyển lỗ	95.222.513.016	(29.240.590.964)
Chuyển lỗ	(54.881.294.945)	
Tổng thu nhập chịu thuế sau khi trừ chuyển lỗ	40.341.218.071	(29.240.590.964)
Lỗ tại các công ty con	(2.300.506.253)	
Lãi tại các công ty con	20.926.653	
Thu nhập chịu thuế Công ty mẹ	42.620.797.671	
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.660.431.080	74.613.944
- Chi phí thuế TNN hiện hành năm nay	10.660.431.080	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước truy thu theo Biên bản thanh tra thuế	-	74.613.944
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	82.859.473.662	(36.157.247.916)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(142.754.120)	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	83.002.227.782	(36.157.247.916)



31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.002.227.782	(36.157.247.916)
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	83.002.227.782	(36.157.247.916)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	37.500.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.213	(1.446)

32. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.303.299.089	109.618.039.333
Chi phí nhân công	11.061.661.246	20.336.073.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.640.574.324	19.744.353.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.398.150.952	18.662.028.968
Chi phí khác bằng tiền	12.746.476.106	4.911.525.110
Cộng	96.150.161.717	173.272.019.651

33. Công cụ tài chính

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	940,69	940,01
Phải thu khách hàng	53.607,69	53.607,69
Phải thu khác	789.588,15	789.588,15
Tài sản tài chính khác	11.571,20	7.815,52
Cộng	855.707,73	851.951,37
Nợ tài chính		
Nợ phải trả người bán	135.875,92	54.248,86
Nợ vay		395.105,64
	135.875,92	449.354,50

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của các yếu tố đầu vào. Để quản lý rủi ro, Công ty lên dự toán nhập mua nguyên vật liệu, theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu với giá cả hợp lý nhất; đồng thời dự trữ hàng hóa ở mức thích hợp để giảm rủi ro biến động giá.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh là các khoản phải thu người mua. Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá, phân loại công nợ, xếp hạng công nợ, khởi kiện dân sự.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>31/12/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	61.620.002.110	0	61.620.002.110
Phải trả người bán	10.698.147.160		10.698.147.160
Chi phí phải trả	2.092.927.021		2.092.927.021
Phải trả khác	8.022.640.332		8.022.640.332
Cộng	82.433.716.623	-	82.433.716.623
<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Các khoản vay và nợ	108.261.998.599	7.000.000.000	115.261.998.599
Phải trả người bán	14.093.430.909		14.093.430.909
Chi phí phải trả	421.522.251		421.522.251
Phải trả khác	2.855.433.818		2.855.433.818
Cộng	125.632.385.577	7.000.000.000	132.632.385.577

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

<u>31/12/2013</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.504.848.389		29.504.848.389
Phải thu khách hàng	24.019.991.517		24.019.991.517
Đầu tư tài chính	2.752.298.500	85.000.000.000	87.752.298.500
Phải thu khác	58.357.687.607	16.648.466.143	75.006.153.750
Tài sản tài chính khác	301.266.502	-	301.266.502
Cộng	114.936.092.515	101.648.466.143	216.584.558.658
<u>31/12/2012</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.603.409.430		6.603.409.430
Phải thu khách hàng	40.110.267.462		40.110.267.462
Đầu tư tài chính	2.889.842.000		2.889.842.000
Phải thu khác	16.759.286.977		16.759.286.977
Tài sản tài chính khác	1.097.151.504	2.100.000.000	3.197.151.504
Cộng	67.459.957.373	2.100.000.000	69.559.957.373

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

35. Số liệu so sánh

Là các số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.

(Trích: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2013)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
VIỆT HÀN**

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN XUÂN HIẾU